

Bản án số: 15/2024/HS-ST

Ngày: 29-3-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Thắm;
2. Ông Huỳnh Đức Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 14/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Hà Văn N, sinh năm 1996 tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Hà Văn T (đã chết) và bà Lê Thị T1, sinh năm 1955; Vợ, con: chưa có; Tiền án: Tại Bản án số 20/2015/HSPT ngày 18/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã xử phạt 09 (chín) năm tù về “Tội Hiếp dâm”, tại Bản án số 46/2022/HSPT ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã xử phạt 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội Cố ý gây thương tích”; Tiền sự: Tại Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong thời hạn 03 (ba) tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, tại Quyết định số 179/QĐ-XPHC ngày 08/8/2021 của Công an huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác; Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam C, Bộ Công an. (Có mặt).

* *Bị hại:* Ông Nguyễn Anh T2, sinh năm 1983 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Trại giam C, Bộ Công an;

Địa chỉ: Ấp Bình Khương, xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Chí T3 – Giám thị Trại giam C, Bộ Công an;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Văn T4 – Cán bộ Trại giam C, Bộ Công an (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 40 phút ngày 10/5/2023, tại Khu lao động sản xuất và dạy nghề, Đội phạm nhân số 26, Phân trại số 2, Trại giam C, Bộ công an, phạm nhân ông Trần Văn T5 nhắc nhở bị hại ông Nguyễn Anh T2 không được mang dép vào khu lao động vì sẽ làm bẩn nền gạch. Khi bị nhắc nhở, bị hại ông T2 vẫn tiếp tục mang dép đi về khu vực máy may nơi bị hại ông T2 làm việc. Khoảng 10 phút sau, bị hại ông T2 trở lại gặp ông T5 và nói: “Anh đừng có chửi tôi như vậy”, ông T5 trả lời: “Thôi anh nhắc vậy, em bỏ hay không bỏ thì thôi”, bị hại ông T2 tiếp tục nói: “Tôi nói cho anh biết, tôi về Đội 26 này mấy tháng rồi, tôi không bậy với ai, tôi không sợ thằng nào hết”, ông T5 cũng nói: “Tôi cũng về đây mấy năm rồi, cũng chưa mịch lòng với ai hết”. Sau đó, bị hại ông T2 về vị trí làm việc, chửi thề tỏ ý không hài lòng và nói: “Muốn rõ ràng luôn thì từ ngày mai không cho thằng nào mang dép vô”. Lúc này, bị cáo N có nghe bị hại ông T2 chửi. Bị cáo N bỏ đi vệ sinh, do cũng đang mang dép nên bị cáo N nghĩ bị hại ông T2 chửi như vậy là có mình trong đó, từ đó nảy sinh ý định đâm bị hại ông T2. Sau khi đi vệ sinh xong, thấy bị hại ông T2 đang ngồi may, bị cáo N đi từ phía sau bị hại ông T2, khi đến chỗ bị hại ông T2 ngồi, bị cáo N lấy tay trái vịn vai bị hại ông T2 và hỏi: “Mày chửi ai?”, bị hại ông T2 trả lời: “Mày nói gì?”. Cùng lúc này, bị cáo N dùng tay trái kẹp cổ bị hại ông T2, tay phải cầm cây kéo (loại kéo bấm chỉ được cán bộ phát để lao động), đâm nhiều nhát vào vùng vai, hông, lưng, tay của bị hại ông T2 gây thương tích. Cán bộ quản giáo và phạm nhân của đội can ngăn bị cáo N ra, đưa bị hại ông T2 đi băng bó vết thương.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) cây kéo cắt chỉ chiều dài 11cm, cán nhựa màu đỏ dài 07cm, lưỡi kéo bằng kim loại dài 04cm.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người số 261/23/KLTTCT-TTPYBT ngày 26/7/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị hại ông T2 là 14%, cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc nhọn gây ra.

Tại Bản cáo trạng số 08/CT-VKSGT ngày 04 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo N về “Tội cố ý

gây thương tích” theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung Bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- Về tội danh và hình phạt: Áp dụng điểm d và điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo N từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt với Bản án số 46/2022/HS-PT ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, buộc bị cáo N chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) kéo cắt chỉ chiều dài 11cm, cán nhựa màu đỏ dài 07cm, lưỡi kéo bằng kim loại dài 04cm, do đây là hung khí bị cáo N sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

Buộc bị cáo N bồi thường cho bị hại ông T2 tiền tổn thất tinh thần là 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Bị cáo N khai nhận hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo đồng ý với kết luận giám định; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; đồng ý bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho bị hại ông T2 là 5.000.000 (năm triệu) đồng và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trại giam C, Bộ Công an là ông Hồ Văn T4 trình bày: Bị cáo N đang chấp hành án tại Trại giam C, Bộ Công an. Ngày 10/5/2023, tại Khu lao động sản xuất và dạy nghề, Đội phạm nhân số 26, Phân trại số 2, bị cáo N được giao 01 (một) cây kéo để cắt chỉ quần áo. Bị cáo N dùng cây kéo này gây thương tích cho bị hại ông T. Sau khi sự việc xảy ra, Trại giam C đã giao cây kéo trên cho cơ quan có thẩm quyền. Do cây kéo trên không còn giá trị sử dụng, bị cáo N dùng để gây thương tích cho bị hại ông T nên Trại giam C không yêu cầu nhận lại, đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm

quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn N và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Việc vắng mặt của bị hại Nguyễn Anh T2 tại phiên tòa, bị cáo N và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt bị hại ông T2. Xét thấy, trong quá trình điều tra, bị hại ông T2 đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc vắng mặt của bị hại ông T2 không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại ông T2 là phù hợp theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Bị cáo N có lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh và các chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 07 giờ 40 phút ngày 10/5/2023, khi lao động cùng các phạm phân khác tại Khu lao động sản xuất và dạy nghề, Đội phạm nhân số 26, Phân trại số 2, Trại giam C, Bộ công an, bị cáo N là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, mặc dù giữa bị cáo N và bị hại ông T2 không có mâu thuẫn với nhau nhưng bị cáo N cho rằng bị hại ông T2 chửi mình nên đã dùng kéo cắt chỉ là hung khí nguy hiểm đâm nhiều nhát vào vùng vai, hông, lưng, tay của bị hại ông T2 gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 14%. Bị cáo N đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng là “tái phạm nguy hiểm”, “dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo N là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Quyền được an toàn về sức khỏe là một trong những quyền cơ bản của công dân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Người nào xâm phạm đến sức khỏe người khác một cách trái pháp luật, dù điều kiện theo quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất. Hành vi của bị cáo N không những gây nguy hiểm cho xã hội, hoang mang trong nhân dân, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự. Bị cáo đang chấp hành án về “Tội cố ý gây thương tích” nhưng không sửa đổi bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo N có nhân thân xấu, đã bị kết án về “Tội hiếp dâm”, “Tội cố ý gây thương tích”; bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo N đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Như vậy, căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo N gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Bị cáo N đang chấp hành hình phạt 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội Cố ý gây thương tích”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/10/2021 của Bản án số 46/2022/HS-PT ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, theo Quyết định thi hành án hình phạt tù số 40/2022/QĐ-CA ngày 24/6/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng, chấp hành tại Trại giam C, Bộ công an. Do đó cần tổng hợp hình phạt của hai Bản án đối với bị cáo, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai Bản án theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

[6] Hình phạt bổ sung: Do bị cáo N không có nghề nghiệp nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông T2 yêu cầu bị cáo N bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo N đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại ông T2. Xét, bị cáo N là người thành niên nên phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về sức khỏe đã gây ra cho bị hại ông T2, việc bị cáo N chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của bị hại ông T2 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận, bị cáo N phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại ông T2 tiền tổn thất tinh thần là 5.000.000 (năm triệu) đồng.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) kéo cắt chỉ chiều dài 11cm, cán nhựa màu đỏ dài 07cm, lưỡi kéo bằng kim loại dài 04cm, do đây là hung khí bị cáo N sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bị cáo N phải nộp. Tuy nhiên, bị cáo N thuộc diện hộ nghèo nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo N về tội danh; điều luật áp dụng; nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo và xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hà Văn N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm d và điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Văn Nhí 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù.

Tại Bản án số 46/2022/HS-PT ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã xử phạt bị cáo Hà Văn N 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội Cố ý gây thương tích”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/10/2021. Bị cáo Hà Văn N đã chấp hành hình phạt tù của Bản án trên từ ngày 07/10/2021 tính đến ngày 29/3/2024 là 02 (hai) năm 05 (năm) tháng 22 (hai mươi hai) ngày, thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại là 01 (một) năm 09 (chín) tháng 08 (tám) ngày.

Căn cứ vào Điều 56 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt với Bản án số 46/2022/HS-PT ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, buộc bị cáo Hà Văn N chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 05 (năm) năm 08 (tám) ngày tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Hà Văn N phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Anh T2 tiền tổn thất tinh thần là 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) kéo cắt chỉ chiều dài 11cm, cán nhựa màu đỏ dài 07cm, lưỡi kéo bằng kim loại dài 04cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/3/2024, hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre quản lý).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Hà Văn N được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Trại giam C;
- UBND xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yên